

LUẬN ĐẠI THỪA CHƯƠNG TRÂN

QUYỂN HẠ

Như vậy, đã nói về người tu hạnh quán là ngộ nhập về tổng tướng tánh không của hữu vi mà chưa ngộ nhập tánh không của vô vi. Nếu không khai thị thì không do đâu ngộ nhập, nếu không ngộ nhập tuệ không phân biệt, mà có thể hướng vào hành thì rốt cuộc không được thành tựu. Vì khai thị nên lại nói lời này: vô vi không có thật, không khởi giống như hoa đốm giữa hư không. Trong đây ngôn từ lập tông đã rút gọn tức ý chân tánh trên đã nói nên cần rút gọn, như trước nên biết. Vì căn cứ chân tánh nên lập vô vi không, chẳng phải dựa theo thế tục. Chẳng phải hữu vi nên gọi là vô vi. Đối ngược với hữu vi là nghĩa vô vi. Tức là hư không trạch, phi trạch diệt và tánh chân như. Nghĩa là dùng một phần pháp xứ đã trừ ở trước để làm rõ chỗ ngộ nhập. Tánh không của hư không dễ khai thị nên chỉ dựa vào nghĩa không là vật không có chất trở ngại, mà thế gian cùng gọi tên là hư không. Do đây là chỗ vô vi tánh không khác làm cửa ngộ nhập, tức đây là hư không mà thế gian đã biết. Căn cứ ở chân tánh nên “Không” không có thật, đó gọi là lập tông. Tức chỗ lập này dựa vào chân tánh nên không có hư không thật. Vì hai tông đều cho là không khởi, hoặc giả lập là pháp không khởi nên gọi là nhân. Vì hoa đốm giữa hư không không thật, cũng không khởi nên lập làm đồng dụ. Không nói ngăn chặn phẩm dị lập là không đồng pháp dụ. Như trước nên biết. Thế nào là trong đây kiến lập tỷ lượng? Nghĩa là căn cứ chân tánh thì hư không không thật, vì không khởi. Các sự không khởi kể ngu, người trí cùng biết, tánh ấy không thật giống như hoa đốm giữa hư không. Vì nhân đã lập này không khởi nên lược nêu danh tướng. Lại có nhân khác, như chẳng phải chỗ tạo tác, chẳng phải năng tác, không có hoại diệt. Các nhân như vậy có thể ngăn chặn chỗ thuyết giảng về tự tánh của vô vi, cho nên như sự thích ứng đều được làm nhân. Như nói ông phải giữ bơ này trong tay, chớ cho chim chóc

đến gần, khiến cho chỗ giữ gìn không bị hao tổn, cũng phải che giữ các loại mèo, chuột...

Sư Tỳ-bà-sa đều hỏi: Nếu chỗ lập tông vô vi không thật, là nghĩa không, có thì định đẳng chí, không xứ, tức là không có đối tượng duyên vậy sao được có? Nhưng sự không chướng ngại là tướng hư không. Nếu đây phương tiện tỷ lượng nói: định đẳng chí, không xứ thật có đối tượng duyên, hoặc cảnh thật có. Vì đẳng chí này, hoặc cảnh nơi đối tượng duyên của đẳng chí này, như đẳng chí khác, hoặc như duyên kia. Đẳng chí khác ấy và đối tượng duyên kia là hữu vi. Đã biện luận rõ tánh không thì không có đồng dụ, đó chính là căn cứ ở thắng nghĩa biện minh về tướng hư không. Nếu dựa theo chỗ lập của thế tục thì hư không cũng chẳng thật có, vì là không khởi, giống như hoa đốm giữa hư không. Do đây mà tỷ lượng với chỗ kiến lập thật có kia thì không thành tựu. Lại cũng do nhân mà tôi nói ở đây. Ông nói là cảnh nơi đối tượng duyên của Đẳng chí nên nhân có, quyết định thành lỗi lầm trái nhau. Vì vậy, nghĩa mà tôi đã lập trước thành tựu, vì không chướng ngại.

Tự bộ, Tha bộ nói như vậy: Nếu căn cứ ở chân tánh hư không thì không thật, vì không khởi. Nếu chuẩn theo nghĩa câu này thì cái gì khởi đều là thật. Nếu nói cái khởi cũng không có thật đó là nhân này không khắp, thì tánh nhân đồng phẩm sẽ không thành tựu. Nếu chuẩn theo nghĩa này tức là loại lỗi tương tự lỗi về tương tự chẳng thể thành lập. Đây xác định lại câu nói: các thứ không khởi đều là không có thật, chứ không phải xác định nói các thứ không thật thủy đều không khởi. Tuy siêng năng đồng mãnh phát khởi không gián đoạn. Không khắp mà đồng phẩm cũng chấp nhận là nhân nên không có lỗi này.

Có chỗ khác vấn nạn: Hư không có tánh, ở đời cùng biết, hoa cũng có tánh, Ốt -bát-la... cũng hiện thấy ở đời. Hoa đốm giữa hư không có hai loại tuy không tương ứng nhưng chẳng phải không có tự tánh nên dụ hoa đốm giữa hư không vốn đã lập không thể thành. Vấn nạn này không đúng. Dụ hoa đốm ở hư không là căn cứ bậc chuyển y thứ sáu đã giảng dạy. Vì hoa đốm ở giữa hư không nên gọi là Không hoa. Dây vốn đã chẳng phải có cho nên làm thí dụ, chứ chẳng phải không có.

Do đạo lý này nên hành giả tu quán phải ngộ nhập tánh không của hư không một cách đúng đắn, đối với đạo lý tánh không của ba loại vô vi: trạch diệt... cũng phải ngộ nhập.

Các thầy Tỳ-bà-sa chẳng chịu việc ngăn phá trạch diệt vô vi. Họ lại nói: Phật thuyết trạch diệt để đối trị hữu vi nên gọi là xuất ly. Nếu bài báng cho là không thì các ông liền có lỗi trái nghịch với tông. Lại

nữa, Thế Tôn nói: Hỷ và tham cùng hành, các thọ tận diệt gọi là Niết-bàn tịch tĩnh vi diệu, vì sao lại nói là không? Phải biết đây là, Thế Tôn muốn khiến cho người được giáo hóa ở nơi cảnh hữu vi siêng tu xa lìa, ở nơi cảnh vô vi tùy thuận an lạc. Dựa theo Thế tục nói có trạch diệt xuất ly Niết-bàn tịch tĩnh vi diệu. Như Phật nói có hữu tình hóa sinh, nói có Niết-bàn vô vi cũng vậy. Chấp nhận điều này là có nên không có lỗi trái với tông. Nhưng căn cứ ở chân tánh để ngăn phá trạch diệt, nên đức Thế Tôn nói: người có tìm cầu Niết-bàn là tánh có. Như Lai nói họ là người si mê, đê tử ngoại đạo, cho đến nói rộng. Lại nói: Như Lai không thấy sinh tử cho đến Niết-bàn. Nói Niết-bàn là Như Lai giả lập, trong đó đều không có tự tánh Niết-bàn, cho đến nói rộng. vì thế, cũng không có lỗi bài báng Thánh đế. Vì căn cứ Thế tục nói: Có ái khổ thì rốt cuộc không sinh, Niết-bàn xuất ly tịch tĩnh vi diệu, không điên đảo. Chẳng phải căn cứ Thắng nghĩa nói: có ái khổ rốt cuộc không sinh bản tánh tịch diệt, gọi là diệt đế. Do Thánh giáo này và đạo lý đã nói trên căn cứ ở chân tánh nên nói không trạch diệt thì không có lỗi này.

Có Luận giả chánh lý bất thiện vấn nạn: Chỗ lập tông nói vô vi không thật, vô vi đã không thì chỗ lập cũng không thành, chỗ dựa cũng không thành, vì hoa đốm hư không là không nên pháp có không thành. Nhân dụ lập tông đều có lỗi. Vấn nạn này không đúng. Muốn thiết lập lực ở nơi chỉ là không có vật có chất ngại, nên lập làm hư không. Do tuệ giản trạch ở nơi chỉ không có phiền não sinh khởi, nên lập làm trạch diệt. Do khuyết các duyên ở nơi chỉ không có các pháp sinh khởi nên lập phi trạch diệt. Ở nơi chỉ không có tất cả sở chấp nên lập làm chân như. Muốn thiết lập lực, chấp nhận có giả lập hư không là đồng đẳng nên không hiển bày sai biệt. Do sức cùng chấp nhận tổng lập có sai biệt của pháp, nên ngăn chặn trừ bỏ những thứ không cùng biết mà lập làm pháp của tông. Cùng biết rõ thứ không khởi... kia lập làm pháp của nhân. Cho nên không có lỗi lập nhân của tông. Không hoa nói ấy, tuy không có sự, mà là pháp có của pháp không khởi, không có tự tánh là tánh, do đó nghĩa chủ thể thành, đối tượng thành được xác lập nên không có lỗi ở pháp không thể thành lập.

Các Sư Tỳ-bà-sa lại nói: Điều này cũng không đúng, trạch diệt thật có vì là đối tượng duyên của đạo, vì trái với phiền não nên chẳng phải không có pháp thật. Việc này đáng có. Câu này chỉ có tác dụng ngăn chặn phẩm dị như ngăn chấp hư không là tánh thật có. Ở trên đã phá đầy đủ, không nên chấp nữa!

Các Sư Kinh Bộ đều nói: Lập hư không v.v... đều chẳng phải thật

có. Tỷ lượng (so sánh) như vậy đã thành thái quá! Nếu với nghĩa này mà nói thì không có tánh của sắc có trở ngại làm thế, chứ không phải đã lập xong thì kia mới là không. Và lại, chỗ lập tông nói vô vi không thật. Lời này chính để loại bỏ sự chấp trước về tánh có thật, cũng như bên cạnh còn chấp trước về tánh “không” là thật.

Sư Đồng Diệp bộ lại nói: “Các sắc trong khe cửa hở gọi là hư không. Tông tôi lập đó là hữu vi”. Ông loại bỏ vô vi mà lập đã thành thái quá. Tự tánh hữu vi như trước đã loại bỏ nên cũng không đúng. Các sư Tỳ-bà-sa và Độc Tử Bộ phần nhiều giống với chấp đây, nên như kia mà phá.

Các sư phái Tương ứng Luận lại nói: Ở trên thắng nghĩa lại không có thắng nghĩa, chân như tức là thắng nghĩa của các pháp, nên căn cứ thắng nghĩa mà nói chân như không. Lời này xứng hợp lý. Nhưng nói chân như chẳng phải thật có, cho là điều này không xứng hợp lý thì làm sao trí không phân biệt xuất thế cùng với thế trí thanh tịnh hậu đắc này, duyên với cảnh vô vi là thích ứng chánh lý? Nếu quả thật là không hợp lý như nói trí này duyên với cảnh vô vi là không hợp chánh lý, như vậy trí này duyên với cảnh hữu vi cũng không thích ứng chánh lý. Chẳng phải chấp chân như thật có mới là ứng hợp với lý! Tánh thật có này vì khó thành lập nên trí duyên chân như, chẳng phải là trí xuất thế, không phân biệt. Vì có đối tượng duyên và vì cùng với hữu vi trí duyên này. Cho nên kinh nói: Này Mạn-thù-thất-lợi! Tuệ nhãn thấy gì? Đáp: Tuệ nhãn đều không có chỗ thấy. Lại nói: thế nào gọi là Thắng nghĩa đế? Đáp: Ở trong đó trí còn không hành, hướng là các danh tự. Lại nói: Phạm chí! Bồ-đề Như Lai chẳng phải có thể hiện quán. Khế kinh lại nói: Này Mạn-thù-thất-lợi! Thế nào là kiến đế? Đáp: Trong đó không có một pháp có thể nhớ giữ. Các Khế kinh này đều không thuận cho, trí không phân biệt này là có thể hiện quán và duyên chân như. Lại nữa, chân như kia chẳng phải là chân thắng nghĩa, vì là đối tượng duyên cũng như sắc... Như ông nói ở trên thắng nghĩa lại không có thắng nghĩa. Những lời như vậy nghĩa là như trên vật này là “không” lại không có vật này nữa nên gọi là Không. Trên các áo lụa lại không có áo lụa, người chăn trâu cũng cùng biết rõ. Người kia cũng phải gọi là người thấy chân lý. Lại vì để đối trị các ác kiến nên nói về lý “Không” như vậy. Ở trên thắng nghĩa lại có thắng nghĩa, vì loại ác kiến này chưa từng có nên không cần ngăn trở người kia thuyết về lý Không như vậy. Lại nữa, chân như kia chẳng phải là tánh thật có, trái với thuyết như trước đã nói, là vì lý tỷ lượng. Như nói Như Lai không thấy sinh tử cho đến Niết-bàn,

đã chánh biết rõ, chẳng có chỗ khởi phiền não của điên đảo, bản tánh rất ráo là tự tánh không sinh. bản tánh rất ráo chánh tri như vậy chẳng phải là chánh tri, chẳng phải là không chánh tri. Do Thánh giáo này nên phải biết chân như chỉ là sự diệt sạch hẳn tất cả phân biệt, chẳng phải là tánh thật có, chẳng phải là xa lìa chẳng phải có tánh thật. Chân như lấy chuyển y làm tướng, Pháp thân là thành tựu. Do được đạo đối trị chân thật của quán không, nên tất cả các chủng tử phân biệt, chủng tử biến kế sở chấp của tất cả sự phân biệt, chủng tử phân biệt trong thức dị thực đã nương tựa vĩnh viễn đoạn trừ không còn. Nhân duyên không nên rất ráo không sinh, bản tánh không sinh, bản tánh thường trú, đó gọi là Như Lai chuyển y thành tựu pháp thân. Như Khế kinh nói: Mạn-thù-thất-lợi! Nói Như Lai tức là câu nói bản tánh không sinh rất ráo, pháp thường không sinh gọi là Như Lai, cho đến nói rộng. Nếu nói chân như tuy lìa ngôn thuyết nhưng là thật có, tức như ngoại đạo nói ngã danh tướng sai biệt, thuyết là chân như. Như chân như ấy tuy là thật có nhưng căn cứ ở thắng nghĩa thì phân biệt là có, chẳng phải có đều không thành. Tôi cũng như kia cũng cho là ngã; tuy là thật có hiện bày khắp, thường trú tác giả, thọ giả mà lìa phân biệt. Vì chẳng phải chỗ hành xứ của ngữ ngôn, vì giác tuệ phân biệt không thể duyên nên gọi là lìa phân biệt. Trong giáo kia nói: Vì ngôn thuyết không hành, tâm ý không chứng nên gọi là ngã. Tướng ngã đã vậy mà lại nói: Trí duyên chân như có thể đắc giải thoát, chứ chẳng phải trí duyên ngã. Điều này có khác biệt gì! Điều là không có ngôn thuyết, chấp có thật tánh chừ là chấp giữ bè phái mà nói như thế. Vì vậy, tôi không thể tin nhận tương tự như thế. Chân như của tôi nói là thật có mà chẳng phải có. Thôi tạm dừng tranh luận rộng. các người chán sợ văn nghĩa rộng sẽ khó thọ trì. Người thật sự nếm vị cam lồ sẽ tự đủ phân biệt thôi! Lại có người thuộc thừa yếu kém, thừa đồng loại nói như vậy: Mười hai xứ thâm gồm hữu vi, vô vi nhất định có tự tánh. Vì có mười sáu Thánh hạnh, quán bốn Thánh đế: khổ; hai đạo kiến, tu siêng năng tu tập, có thể dứt trừ tất cả lửa phiền não thiêu đốt thuộc kiến tu đạo và làm cho các khổ ba cõi chấm dứt. Nếu không khai mở tánh không các pháp thì ai sẽ có thể xả bỏ lỗi lầm như vậy, ai lại có thể tu công đức như vậy. Ba thừa tuy có tư lương về căn tánh giải thoát sai khác nhưng hiện quán Thánh đạo phải không sai khác. Tất cả như vậy tôi đều tin nhận, vì muốn đoạn trừ phiền não chướng. Dựa vào lý thế tục thì đạo kia sai biệt. Nếu lìa chứng nhập tánh vô ngã của pháp thì không thể đoạn dứt vĩnh viễn sở tri chướng. Đại sư phải nên thành tựu ít phần giải thoát để không nói giải thoát là giải thoát không

sai biệt chẳng chẳng? Thật có thuyết này, vì đều đồng giải thoát phiền não chướng nên nói như vậy: Chẳng phải là tất cả chủng loại. Ví như lỗ chân lông và tánh thái hư tuy đồng nhưng chẳng phải không sai khác. Nếu không như vậy, thì nên không phát tác dụng thặng quả như ý thần thông, làm gì và quả chứng đắc chẳng phải là rốt ráo chân thật. Thôi tạm dừng bàn luận rộng, nên đi vào chánh luận!

Hành giả tu quán như đã ngộ nhập tánh không của hư không mà tông của mình đã nhận định; cũng phải ngộ nhập các cú nghĩa “không” về tự tánh, sĩ phu, cực vi, tự tại, thời, phương, mang v.v... của tông khác đã nhận định.

Trong đó, luận giả Tự tánh sĩ phu vấn nạn như vậy: Tông tôi cho tất cả trong ba cõi đều như hoa đốm hư không chuyển biến, chẳng phải không có hoa đốm ở hư không. Do kia là có đồng dụ, không trái với chỗ lập. Nay phải hỏi lại: Ông nói tất cả ba cõi đều tự như hoa đốm giữa hư không chuyển biến. Như vậy, ba cõi là hoa đốm hư không hay không phải hoa đốm hư không? Nếu nói ba cõi đều là hoa đốm hư không thì trái với tự tông và mọi người cùng biết nên không hợp với đạo lý. Nếu nói ba cõi chẳng phải là hoa đốm hư không thì đó là không có đồng dụ thành tựu làm mất bản tông của ông. Nếu nói để không mất hoa đốm hư không, không có âm thanh và tánh có của ba cõi như đã nói nên là vậy thì nên quán sát kỹ: Ông cho tôi nói hoa đốm hư không không có là đồng pháp dụ hay nói hoa đốm hư không là đồng pháp dụ. Nếu ông cho tôi nói hoa đốm hư không không có là đồng pháp dụ thì tức là nhận xét ác. Vì tôi nói hoa đốm hư không là đồng pháp dụ. Nếu nói hoa đốm hư không là đồng pháp dụ tức là chẳng phải ba cõi. Không nên nói: vì ba cõi là có nên hoa đốm hư không cũng là có. Lời này hiển bày trí tuệ nhỏ yếu của chính ông. Lại theo nghĩa ngăn chặn, diễn giải mà nói (già và thuyên), thì nghĩa ngăn chặn là hơn. Ngăn chặn cái đối tượng được ngăn rồi, công năng liền hết không thể còn biểu đạt sự sai biệt của cái đối tượng được ngăn. Những ngôn từ vấn nạn như vậy đã giải thích đầy đủ ở trước nên chẳng phải người có trí để tâm tin nhận. Các sư Số luận lại nói như vậy: Tuy ngã không thể đích thân hiện hữu, thành lập sĩ phu tối thặng, nhưng dựa vào sự cùng biết về các tự biến dị, mà phương tiện thành lập thể của nó là có thật. Nghĩa là các sự hiển bày tức tánh có làm nhân, vì chủng loại có các chủng loại có tất cả đều thấy, tánh có làm nhân, như đàn phiến... Sự hiển bày đã là chủng loại có nên tánh có làm nhân. Như vậy, sự hiển bày là có chủ thể thọ dụng và đối tượng thọ dụng. Với các đối tượng thọ dụng thì tất cả đều thấy có chủ thể thọ

dụng. Như loại ăn uống của Bà la môn thọ dụng. Sự hiển bày đã là đối tượng thọ dụng nên có chủ thể thọ nhận. Tỷ lượng như nói ở trước liền trở thành chỗ trái hại của suy lường đối nghịch. Đây căn cứ thế tục nói, nếu dùng tổng tướng lập các sự hiển bày, với tánh có làm nhân thì không cần biện luận sai biệt, liền lập đã thành. Nếu lập sự hiển bày với lạc v.v... làm nhân, tức không có, nhân đồng dụ cũng không thành. Chủng loại: lạc... chẳng phải mọi người cùng biết. Nếu dùng tỷ lượng thành lập nhân mà nói thì bốn uẩn đều là tánh: vui, khổ, si, vì tánh uẩn này. Cũng như thọ uẩn tức là tánh si vừa nói chứ không phải thuộc về thọ uẩn, tức đồng dụ không thành. Lại nữa, sĩ phu và ông có nhiều thể tướng hiện bày khắp, có nghĩa tích tụ, tức là nghĩa uẩn. Do đó, nhân của sĩ phu trở thành bất định. Lại nữa, lạc... của ông mỗi mỗi khác biệt, mỗi một không thể lập tông, vì tánh uẩn này nên nghĩa nhân không thành. Nếu dựa trên thắng nghĩa thì có thật đần phiến, tánh có làm nhân, nhưng chẳng phải cùng chấp nhận nên đồng dụ không thành. Lại căn cứ Thế tục nói, nếu dùng tổng tướng lập các sự hiển bày, có chủ thể thọ nhận, không luận sự sai biệt, liền lập đã thành, vì thế gian cùng biết, người thọ nhận là có. Nhưng nếu lập sự hiển bày, với người thọ nhận có thật thường trú hiện bày khắp lấy tư duy làm tự tánh thì đồng dụ không thành. Thể tướng như vậy, các Bà la môn chẳng phải cùng biết. Nếu căn cứ Thắng nghĩa với đồng dụ không thành, người thọ nhận và vật ăn, uống đều là tánh thật có, nhưng chẳng phải cùng biết. Cho nên tỷ lượng như trước nói không có suy lường đối nghịch có thể làm trái hại.

Các sư Thắng luận nói như vậy: Các hơi thở ra vào, nhắm mắt, mở mắt đều làm cho ý hành động. Tướng trạng của các căn biến động v.v... nhất định có tướng, của đối tượng là tướng của chủ thể. Như thấy khói... đây dựa Thế tục nói, nếu dùng tổng tướng lập các tướng kia thì nhất định có tướng của đối tượng, không luận sai biệt, liền lập đã thành, vì thế tục cùng biết ngã chẳng phải là không có. Nếu lập tướng ấy có tướng của đối tượng nơi ngã thường trú hiện bày khắp. Thì những đối tượng nương theo như lạc v.v... trở thành không có, và đồng dụ, trái với chỗ lập. Nếu căn cứ thắng nghĩa cũng có như vậy tức lỗi dụ không thành lập. Thời, phương, không v.v... do đạo lý này nên cũng phải ngăn phá.

Các sư Thắng luận lại nói như vậy: Cực vi cùng với ý ngã lập vô vi, thành lập nhân “Không” vì không khởi, nghĩa là tự nó chẳng thành nhân. Nếu cho hai việc ấy là thuộc hữu vi thành lập nhân Không vì duyên sinh, thì cái khác chẳng thành nhân, nên thành một ít phần về sự ngộ nhập tánh Không. Nếu ý và cực vi, thế tục cũng chấp nhận là vô

vi thì có thể có vấn nạn này. Nhưng ý đã lập chẳng phải là sinh nhân của trí vô vi, giống như sắc... như là cú nghĩa với tánh đồng, dị là sanh nhân của ý niệm. Ngoài nên những thứ này, nhân tương ứng cũng nên nói. Lại nữa, các cực vi cũng chẳng phải vô vi, là chủ thể thành nhân, giống như tứ... như vậy, ngoài ra còn có nhân hợp, ly, đồng, dị v.v... tùy theo tương ứng cũng phải nói. Hoặc có vật thô do hai cực vi tạo thành, nó chẳng thường làm nhân, mà là đối tượng được tạo thành giống như bình... Như vậy, ngoài ra còn là đối tượng được tạo tác, có thể hoại diệt, vì là nhân có, những nhân này tùy theo tương ứng cũng nên nói. Do đạo lý này nên có chỗ vọng chấp vào cái khác, ý và cực vi đều là tự tánh không, cho nên không có lỗi như đã nêu.

Như đã nêu trên sẽ ngăn phá nhiều loại đạo lý, cú nghĩa của Số luận, Thắng luận. Chỗ chấp cú nghĩa của những luận vô y... cũng tùy theo chỗ thích ứng mà sẽ lập làm Không.

Trừ bỏ các lỗi như vậy xong, người tu quán hành nhờ sức chánh tử lượng, ngộ nhập tánh không vô vi của hai tông tự tha đã chấp nhận, tuy có lực nền tảng của trí tuệ do nghe hiểu (văn tuệ) đã bước vào lý tánh không nhưng khuyết thiếu sức tu thù thắng, chưa có thể đoạn trừ vĩnh viễn chướng ngại cần phải trừ nên lại tinh cần huân tập sức tu thù thắng. Nếu ở trong đây tùy có một loại là tướng vô vi còn hiện hành có gián đoạn, không gián đoạn, thì lúc ấy liền phải như lý quán tánh không ấy để trừ bỏ tướng kia, khiến không hiển hiện; ngộ nhập các pháp, xa lìa tự tánh nên tánh ấy vốn Không. Do tánh Không nên tướng không thành thật, tức là vô tướng. Do vô tướng nên không có gì để nguyện cầu, tức là vô nguyện, do lìa tướng cấu nên thành sự xa lìa. Do tánh xa lìa nên duyên phiền não kia rốt ráo không sinh nên thành tựu sự tịch tĩnh. Vì tự tánh không khởi nên thành không sinh, do không sinh nên không có vô thường, cũng không có khổ, cũng không vô ngã. Lại nữa, vì không sinh nên không có tướng, do vô tướng nên có thể dùng sự tu hành một tướng vô tướng quán tất cả pháp ngộ nhập không hai. Do hành tướng này nên siêng năng huân tập tu hành thù thắng, tăng trưởng sức tu thù thắng như vậy nên trừ bỏ được tướng thô, khiến cho không còn hiển hiện. Do đó nên làm cho tướng hành không có gì để hành, nghĩa là nắm giữ hành tướng hữu vi, vô vi. Như người bị hoa mắt, nếu lìa được sự hoa mắt thì mắt được sáng trở lại bình thường, nhưng không thấy được chỗ nắm giữ các tướng từ trước cho đến về sau. Tuy ở trong đó đã được vô trú nhưng do sự phân biệt: “Không”... hiện hành, tâm có công dụng vẫn còn trú liên tục. Nên chưa đạt được sự biết rõ không dao động về phân biệt

“không” hiện hành, chương ngại trí tuệ không phân biệt của đạo xuất thế. Vì muốn xả bỏ thì phải dùng mãnh thật sự siêng năng quán sát như thế. Dựa vào thắng nghĩa nên phân biệt Không... trên cảnh tánh Không, cũng chẳng phải có thật, vì từ duyên sinh, giống như huyễn... Siêng tu như vậy có thể trừ bỏ được sự phân biệt: Không..., nhờ trừ bỏ được vậy nên xa lìa nhị biên: Không và Bất không..., không dùng hành tướng không ấy để quán sát các pháp nữa. Như thuyết Bát nhã Ba-la-mật-đa, lúc chánh hiện hành, ở trên sắc ấy không quán là thường, không là vô thường, không quán là vui, cũng không là khổ, không quán là ngã cũng chẳng phải vô ngã, không quán tịch tĩnh cũng chẳng phải không tịch tĩnh, không quán là Không cũng chẳng phải Bất không, không quán là tướng cũng chẳng phải vô tướng, không quán là nguyện cũng chẳng phải vô nguyện, không quán xa lìa cũng chẳng phải không xa lìa. Cũng như vậy, đối với trong thọ, tướng, hành, thức, tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tất cả nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tinh lực, Bát nhã Ba-la-mật-đa, niệm trú, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi, tinh lực vô sắc đẳng chí thần thông, mười lực vô úy, các vô ngại giải, pháp bất cộng Phật, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí đều không quán là thường cũng chẳng phải vô thường, cho đến nói rộng.

Đã có thể xa lìa nhị biên như vậy, tức có thể sinh trưởng diệu hạnh ở giữa (trung đạo). Chỗ lìa nhị biên này tức lý trung đạo. Do hai loại tỉ lượng như trên nói, thì sắc của hữu vi, vô vi giống như không có cho nên gọi là vô sắc. Do vô sắc nên cũng không có cùng các phân biệt tức không có một chút pháp có thể là tướng để biểu thị. Nói kia đã vậy, đây cũng như vậy nên gọi là không có biểu thị. Vì do vô tánh nên đối tượng nương tựa và chủ thể nương tựa đều không thành tựu. Vì không có trụ giữ nên gọi là vô trú. Hoặc tướng hữu vi, hoặc tướng vô vi, hoặc đối tượng phân biệt chẳng phải đối tượng phân biệt, hoặc chủ thể phân biệt chẳng phải chủ thể phân biệt, các tướng như vậy, tuệ giác biết không hiện hành nên gọi là vô hiện, xa lìa. Tất cả tướng có, tướng không các cảnh giới này thức đều không sinh nên gọi là không liễu biệt. Do vô sắc nên vô hình chất. Cờ hiệu các phương đều không có nên gọi là không cờ hiệu. Như Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp-ba: Thường là một bên, vô thường là bên thứ hai. Ở giữa hai bên này là không sắc, không biểu thị, không trú, không hiện, không có gì liễu biệt, không có cờ hiệu, đó gọi là diệu hạnh ở giữa quán sát như thật tánh của tất cả pháp. Nói rộng cho đến hữu vi là một bên, vô vi là bên thứ hai... cho đến nói rộng. Lại như Phật

bảo Ca-diếp-ba: Minh và vô minh đều không có hai, không có hai sai biệt. Chánh trí trong đó thì gọi là diệu hạnh ở giữa. Đã có thể xa lìa nhị biên như vậy, thì ở trong tướng không hai có thể an trụ, và cái tướng không hai vốn khởi phân biệt ấy cũng có thể biết rõ đó là chướng ngại sự an trú tịch tĩnh và trí không phân biệt của đạo xuất thế. Như nhân đã nói có thể mau chóng dứt trừ vĩnh viễn, vì dứt trừ vĩnh viễn nhân ấy nên không có phân biệt ngữ ý như vậy, như vậy, cả hai ngôn thuyết đều cùng bất dứt, chứng đắc vô động, vô hiện, vô tướng, lìa các hý luận, tánh thật của các pháp. Đối với các sở duyên kia không động mà chứng nhập, tự tướng diệu trí an trú tương tục. Tuy siêng tu tập quán “không” không có diên đảo nhưng đối với tánh Không trọn không tác chứng, như vậy gọi là tĩnh lự thắng nghĩa. Như đức Thế Tôn nói: Tuy tu tĩnh lự nhưng không nương sắc mà tu tĩnh lự. Như vậy, không nương thọ, tưởng, hành, thức mà tu tĩnh lự. Không nương nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà tu tĩnh lự. Không nương sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà tu tĩnh lự. Không nương nơi thân phân biệt an trú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi tâm phân biệt an trú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi đất, nước, lửa và gió mà tu tĩnh lự. Không nương nơi hư không, mặt trăng, mặt trời, tinh tú mà tu tĩnh lự. Không nương nơi Đế thích, Phạm vương Thế Chủ mà tu tĩnh lự. Không nương nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới mà tu tĩnh lự. Không nương nơi đời này và đời khác mà tu tĩnh lự. Không cao không thấp, chứng trú vô động mà tu tĩnh lự. Không nương vào ngã kiến mà tu tĩnh lự. Như vậy không nương nơi hữu tình, mạng giả, dưỡng dục, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la ý sinh, Ma- nạp-bà, kiến giải mà tu tĩnh lự. Không nương đoạn, thường kiến, kiến hữu, vô mà tu tĩnh lự. Không vì lậu tận mà tu tĩnh lự. Không vì thể nhập chánh tính ly sinh mà tu tĩnh lự. Không vì chứng quả mà tu tĩnh lự. Không vì rốt ráo không chỗ tạo tác mà tu tĩnh lự. Tuy vì tu tập quán “không” không có diên đảo mà tu tĩnh lự nhưng đối với tánh “Không”, không vì tác chứng mà tu tĩnh lự.

Luận giả Tương Ứng có định chấp nói: Tất cả phân biệt đối tượng được chấp giữ và chủ thể chấp giữ thủy đều xa lìa là trí không phân biệt xuất thế gian, tức ở trong đó khởi tướng chắc thật, siêng năng tu tập. Có sự khác đối với nghĩa này suy xét kỹ mà nói: Trí sinh như vậy, tuy không phân biệt như đã nói ở trên nhưng vì tùy theo tướng nơi cảnh vô tướng mà dấy khởi, nên cái mà phân biệt theo đuổi của tự tánh ấy là hữu vi. Giống như một hiện lượng khác có giác biết phân biệt, không thành trí không phân biệt của đạo xuất thế. Lại cái đối tượng kia cho là ly tướng, ly ngôn, chân như thắng nghĩa, cũng chính là đối tượng duyên. Cho nên

giống như một đối tượng duyên khác, không thành thắng nghĩa, tức do nhân đây đều có chứ chẳng phải tối thắng. Như Khế kinh nói: Thế nào ở trong đó gọi là Thắng nghĩa đế? Nghĩa là ở trong đó, trí cũng không hành. Lại như hỏi Mạn-thù-thất-lợi: Tuệ nhãn là phải quán chỗ nào? Đáp: Nếu có một ít đối tượng quán thì tức chẳng phải tuệ nhãn. Do tuệ nhãn đây không phân biệt nên không quán hữu vi, cũng lại không thể quán nơi vô vi, vì các vô vi chẳng phải là chỗ nên hành của tuệ nhãn này. Do giáo lý này, Luận giả tương ưng kia cũng nên đoạn trừ định chấp ấy. Lại suy xét kỹ nói: Dựa theo Thắng nghĩa đế thì trí không phân biệt của đạo xuất thế như vậy cũng chẳng phải có thật, là từ duyên sinh nên cũng như huyễn sĩ. Đối với đối tượng nơi có, có lỗi lầm vướng mắc, và xem thấy như lý phải chính thức trừ bỏ. Nếu trí có thể dứt trừ định chấp như vậy, ở đây cũng như kia, đều có lỗi lầm nên không siêng năng xét kỹ, khai thị nữa, những chấp trước như vậy vốn đã diệt rồi thì đối với tánh nơi cảnh vô tướng của chỗ nên nhận biết cũng không hành giải, vì khuyết thiếu nhân duyên nên trí khác không sinh. Do không hành giải, cho nên gọi là hành giải chân thật. Như Thế Tôn nói: Thế nào gọi là hành giải chân thật? Nghĩa là đối với các pháp đều không hành giải thì đó gọi là hành giải chân thật? Lại như kinh nói: Bồ-đề Như Lai đều không hiện quán. Lại như Đức Phật hỏi Mạn-thù-thất-lợi: Các người kiến đế phải thấy chỗ nào? Đáp: Không có chút pháp có thể thấy. Vì sao? Vì hễ có đối tượng nhận biết là đều có hư vọng. Nếu không có đối tượng nhận biết mới gọi là kiến đế. Lại hỏi: Thế nào là siêng năng ứng tu hiện quán? Đáp: Nếu biết không có một ít pháp tư duy phân biệt thì như vậy là siêng năng ứng tu hiện quán. Lại hỏi: Thế nào là đã chứng hiện quán? Đáp: Nếu có thể quán tất cả pháp đều là tánh bình đẳng. Lại hỏi: Có chủ thể thấy tánh bình đẳng của tất cả pháp chăng? Đáp: Không có chủ thể thể thấy tánh bình đẳng. Nếu có đối tượng thấy thì sẽ thành thấy không bình đẳng. Hiện quán kiến đế, hành giải chân thật đều đồng một nghĩa. Người tu quán hành thì tâm, ý, thức, trí lúc ấy không hành, đó gọi là tuệ chánh hành không phân biệt. Nếu có thể hành mà không có gì là hành như vậy thì được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chân thật thọ ký. Như Khế kinh nói: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu hành thế nào nơi Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng ấy để được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chân thật thọ ký? Này Phạm chí! Bồ-tát nếu ở lúc này không hành nơi sinh, không hành nơi diệt, không hành nơi thiện, không hành nơi bất thiện, không hành thế gian, không hành xuất thế gian, không hành hữu lậu, không hành vô lậu, không hành có tội, không hành vô tội, không

hành hữu vi, không hành vô vi, không hành tương ứng, không hành bất tương ứng, không hành nơi đoạn, không hành nơi bất đoạn, không hành sinh tử và Niết-bàn, không hành nơi kiến, văn, giác, tri, không hành nơi thí và xả bỏ, không hành nơi giới và luật nghi, không hành nơi nhẫn, không hành tinh tấn, không hành tinh lự, không hành đẳng trì, không hành nơi tuệ, không hành nơi giải, không hành nơi trí, không hành nơi chứng. Bồ-tát hành mà không có gì là hành như vậy, nơi Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng ấy được chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chân thật thọ ký.

Tuệ hành như vậy gọi là Thánh mặc nhiên. Như Khế kinh nói: Nơi ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, như lời Phật dạy mà khai thị như thật, đó gọi là thuyết pháp. Lại đối với pháp này, tuy dùng thân chứng nhưng không quán sát có pháp lìa thân, cũng không quán sát có thân lìa pháp. Quán sát như vậy, nghĩa là quán không hai, cũng chẳng phải không hai. Lúc quán như vậy không tùy theo sự quán sát của tri kiến hiện lượng, vì không quán sát nên gọi là Thánh mặc nhiên. Nhờ giáo lý này nên lúc quán sát kỹ tự tánh của tất cả pháp hữu vi, vô vi thì không có gì có thể là tự tánh của cảnh giới: hoặc tâm, hoặc tuệ, hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt. Biết như vậy rồi thì ánh sáng mặt trời minh tuệ có thể chiếu trừ tất cả sự tối tăm ngu si.

*Cảnh hiện các tâm, tuệ
Người trí do không thủ
Tuệ hành không phân biệt
Không gì hành mà hành.*

Trong đó có thể hội tụ chủng tử các hành, hoặc vì chỗ tập hợp của chủng tử các hành gọi là tâm. Có thể nắm giữ thẳng đức, hoặc nhờ sự nắm giữ ấy mà làm cho không tan mất, cho nên gọi là tuệ. Đối tượng hành của tâm tuệ gọi là cảnh của tâm tuệ. Đối tượng hành của cảnh địa gọi là sai biệt ở tâm, cảnh tức là tất cả các tướng hữu vi, vô vi, tuệ cảnh tức là tất cả tánh không hữu vi, vô vi. Như Khế kinh nói: “Tuệ” vô tướng phân biệt không hề chuyển, “Hiện” là hiển hiện, tức là nghĩa hiện ra tương tự tánh tướng của cảnh giới đối tượng hành nơi tâm tuệ... “chư” nghĩa là các là địa, tùy theo một loại của nó hoặc tổng, hoặc biệt. Mắt... và sắc... như vậy tùy theo một loại của nó hoặc tổng, hoặc biệt. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như vậy, tùy theo một loại của nó hoặc tổng, hoặc biệt. Niệm trú, chánh đoạn, thân tức, căn lực, giác chi, đạo chi, Ba-la-mật-đa, tất cả thần thông, mười lực vô úy, pháp Phật bất cộng, các Tam-ma-địa, môn Đà-la-ni, Dự lưu, Nhất lai và Bất hoàn, hoặc tất

cả đạo quả A-la-hán, tùy theo một loại của nó hoặc tổng, hoặc biệt, nói rộng cho đến Nhất thiết trí tri. Đối với tất cả pháp có thể nhận biết rõ tánh không điên đảo nên gọi là “Người trí”. “Do” nghĩa là nhân duyên xả tướng. Nói “không thủ” nghĩa là không chấp, không thấy, tức là nghĩa giác tuệ không lường xét. Do nhân không giữ lấy (thủ) nghĩa là không chấp, không thấy, tức là nghĩa giác tuệ không lường xét. Do nhân không giữ lấy là chứng đắc gì? Câu “ Tuệ hành không phân biệt, không gì hành mà hành”: Tuệ tức là trí không phân biệt. Tuy xa lìa vĩnh viễn tất cả phân biệt, mà tăng ích giác tuệ, tạm gọi là trí. Giống như cảnh giới không ảnh tượng, vô tướng, vô ngôn, khởi tướng tự tánh phân biệt, cũng không có nên gọi là không phân biệt. Tuy là vô trú nhưng dựa ở vị trí khác nên tên gọi tạm được kiến lập. Như nói đèn diệt, A-la-hán diệt. Giác tuệ tăng ích là dựa vào thế tục mà nói. Nói nơi sự tương tục này gọi là không phân biệt. Như trí phân biệt gọi là có phân biệt. Trong đó ý thủ, trí không sinh hành, đó gọi là hành. Do trí này hành tất cả chủng tướng, pháp tánh tự, tha, chẳng phải đối tượng nhận thức nên không gọi là chủ thể nhận thức, tức chẳng phải chủ thể nhận thức gọi là chân kiến, như chỗ chứng đắc. Chẳng phải chẳng phải là đối tượng nhận thức làm tướng nơi đối tượng nhận thức, hoặc có phân biệt hoặc không phân biệt, chân kiến được thành. Nếu chân như là tánh của đối tượng nhận thức thì không nên nói là chẳng phải tánh có thể thấy biết. Tuy nương vào thế tục có nhận thức bình đẳng nói là chân kiến nhưng không nên chấp vào nhận thức không bình đẳng này gọi là chân kiến. Các thứ có thể nhận thức đều là không chân thật, vì là nhân dấy khởi sự hiểu biết. Như như bóng nước trên mặt đường giữa trưa nắng gắt (dương diệm), tất cả có thể thấy mà đều chẳng phải chân thật. Nếu chân như là tánh có thể thấy biết thì nắm giữ tướng có thể thấy biết không thành chân kiến. Nếu chẳng phải có thể thấy biết thì không nên nói là chứng thấy chân như. Thấy và không phải có thể thấy há gọi là bình đẳng. Lại nữa, trí hữu vi, tánh chân như vô vi không bình đẳng. Nếu là thấy thì phải thành thấy không bình đẳng. Lại tánh các pháp đều chẳng phải chủ thể thấy, thấy cũng phải vậy, vì cùng lấy không sinh làm tự tánh. Chẳng phải thấy như vậy tạm gọi là thấy, chẳng phải không bình đẳng. Lại nữa, một sát na chứng tất cả pháp đều không hiện quán gọi là chân hiện quán. Không nên vấn nạn: Vì tự thể phản chiếu khó thành lập nên trí phải không chứng thật tánh của trí. Cả hai loại đều chẳng phải tánh nơi cảnh có thể nhận thấy, vì không sai biệt nên đồng thời cùng chứng. Nếu căn cứ thẳng nghĩa thì giống như trí nơi cảnh tượng, vì bản tánh không sinh nên

không hiện quán, cũng không chứng đắc. Như Khế kinh nói: Ông không nên dùng hiện quán mà chứng đắc, quán thể Như Lai là vô vi, vì vượt trên tất cả đối tượng hành của mắt. Như thế, Phạm chí! lúc Như Lai an tọa nơi tòa Bồ-đề chứng tất cả pháp đều không có gì là đạt được, vĩnh viễn dứt trừ tất cả phiền não do hư vọng điên đảo dấy khởi. Những kinh như vậy thấy đều tùy thuận. Thôi tạm dừng bàn rộng, nên bàn chánh luận. Du hóa gọi là hành, không du hóa gọi là không có gì hành, là nghĩa không hành giải, không sinh dấy khởi. Tuệ không phân biệt do không hành tướng mà là hành tức không có gì là hành gọi là hành. Đây là lược thuyết, còn lại như phần trước nói về thành lập quả do chánh cần.

Người tu quán hành tức là tuệ hành không phân biệt như vậy, không hành mà hành, hành tức là không hành, xa lìa tất cả sở duyên tác ý. Đối với tất cả pháp đều không có gì chấp trụ, giống như hư không. Xả bỏ tất cả biến kế phân biệt, vắng lặng thuần nhất như nhập diệt định quán tánh các pháp. Pháp thân chư Phật không thể nghĩ bàn, không thể liễu biệt, không nhị, không tăng, không tướng, không kiến. Không thể biểu thị, không sinh, không diệt, không có khởi tận, vắng lặng đàm bạc không có sai biệt, không tướng không ảnh, lìa các vết nhơ, vượt trên tất cả nẻo đường cảnh giới của giác tuệ, ngữ ngôn. Tuy quán như vậy mà không có gì là thấy, không thấy mà thấy, thấy tức không thấy. Tiếp nhận những thứ thuộc về cái thấy vi diệu như vậy, nên có thể tăng trưởng vô lượng tụ phước chân chánh, có thể cảm nhận vô biên quả lạc vi diệu, một vị thanh tịnh có thể diệt trừ khổ cho mọi người. Như Được thọ vương tạo lợi ích cho tất cả chỗ mong cầu chính đáng. Chánh quán Pháp thân Như Lai như vậy, là không thấy tướng có, tướng không của các pháp nên gọi là chánh kiến. Vì dứt bật tất cả biến kế phân biệt gọi là chánh tư duy. Do chứng các pháp, lìa các hý luận, tất cả ngữ ngôn đều lặng dừng gọi là chánh ngữ. Do tất cả pháp chẳng phải là tánh tạo tác nên chẳng tạo cho chúng nhân nơi nghiệp thân, ngữ, ý gọi là chánh nghiệp. Vì tất cả pháp đều là pháp tánh không tăng không giảm, tất cả sự tăng giảm vĩnh viễn đều không sinh gọi là chánh mạng. Vì dùng tất cả pháp đều làm phương tiện đồng mãn không có tạo tác, không chỗ phát khởi gọi là chánh tinh tấn. Vì đối với các pháp rốt ráo không chứng tánh nơi cảnh có, không, không nhớ nghĩ, không có gì là tư duy gọi là chánh niệm. Vì tất cả chủng tử không chấp giữ, các pháp, không có gì là nương trú gọi là chánh định. Chánh quán như vậy là có thể tu như tám Thánh đạo này. Nghĩa này rộng như khắp chỗ trong tạng Bồ-tát đã tuyên nói.

Chánh quán như vậy chẳng những có thể tu tám chi Thánh đạo, mà cũng có thể lược thuyết viên mãn sáu loại Ba-la-mật-đa. Tuy không có gia hạnh nhưng có việc này. Nghĩa ấy là sao? Nghĩa là có thể xả bỏ tất cả chủng tướng và có thể xả bỏ tất cả phiền não, đó gọi là Thí Ba-la-mật-đa, có thể ngưng nghỉ tất cả đối tượng duyên tác ý, tu không thủ đắc, đó gọi là Giới Ba-la-mật-đa. Đối với mọi đối tượng duyên, có thể không nhãn thọ, đó gọi là Nhãn Ba-la-mật-đa. Không thủ không xả, lìa tất cả hành, đó gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa. Tất cả tác ý đều không hiện hành, đều không hề chấp trụ, đó gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Đối với tất cả pháp, không khởi hý luận, xa lìa hai tướng, đó gọi là Bát nhã Ba-la-mật-đa. Nghĩa này tuyên thuyết rộng nhiều chỗ trong kinh Phạm Vấn. Sự an trú vi diệu có vô lượng môn như thế, trong vô lượng kinh, Đức Thế Tôn đã nói rộng, có nghĩa lợi lớn, nhiều lợi ích. Các bậc có trí nên biết như thật, lìa các phóng dật, phải siêng năng tu học.

